



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 3

Số 50 (15/3/2009)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ		
23-02-2009	Quyết định số 702/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) phường Cát Lái, quận 2.	3
23-02-2009	Quyết định số 703/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) phường Bình Khánh, quận 2.	12
25-02-2009	Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND quy định về diện tích đất tối thiểu sau khi tách thửa.	21
27-02-2009	Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND ban hành Quy định về thực hiện các dự án đầu tư trong nước thuộc Chương trình kích cầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	27
02-3-2009	Chỉ thị số 04/2009/CT-UBND về công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2009 trên địa bàn thành phố.	35

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 7

- 26-02-2009 - Nghị quyết số 01/2009/NQ-HĐND về việc đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009 thuộc nguồn vốn ngân sách. 42
- 26-02-2009 - Nghị quyết số 02/2009/NQ-HĐND về kỳ họp thứ 15 của Hội đồng nhân dân quận về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2009. 44

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 702/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH**Về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch
sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) phường Cát Lái, quận 2****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận 2 tại Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2008 và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 510/TTr-TNMT-KH ngày 19 tháng 01 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của phường Cát Lái, quận 2 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Nội dung phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010:

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2005		Quy hoạch đến năm 2010	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		668,84	100,00	668,84	100,00

1	Đất nông nghiệp	NNP	324,15	48,46	4,65	0,70
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	288,12	88,88	0,53	11,40
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	271,09	94,09	-	-
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	271,09	100,00	-	-
1.1.1.1.1	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	-	-	-	-
1.1.1.1.2	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	LUK	271,09	100,00	-	-
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNC	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	17,03	5,91	0,53	100,00
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	-	-	-	-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	36,03	11,12	4,12	88,60
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	344,69	51,54	664,19	99,30
2.1	Đất ở	OTC	94,85	27,52	221,21	33,31
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	94,85	100,00	221,21	100,00
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	95,79	27,79	295,40	44,48
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	0,82	0,86	1,64	0,56
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	69,61	72,67	91,75	31,06
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	7,23	7,55	77,62	26,28
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK	6,45	89,21	6,45	8,31
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	0,78	10,79	71,17	91,69
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	18,13	18,93	124,39	42,11
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	14,33	79,04	89,86	72,24
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	2,19	12,08	1,60	1,29
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn năng lượng, TT	DNT	0,20	1,10	0,70	0,56
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	-	-	16,98	13,65
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	0,15	0,83	1,14	0,92
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1,22	6,73	9,42	7,57
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	-	-	4,40	3,54

2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,04	0,22	0,04	0,03
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	-	-	-	-
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	-	-	0,25	0,20
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	1,28	0,37	1,26	0,19
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	4,41	1,28	-	-
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	148,36	43,04	144,84	21,81
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	1,48	0,22

b) Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	319,50
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	287,59
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN/PNN	271,09
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	16,50
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP/PNN	-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	31,91
2	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKT ^(a) /OTC	0,08
2.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	-
2.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	-
2.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	-
2.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	-
2.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	-
2.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC	-
2.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC	0,07
2.4	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/OTC	0,01
2.5	Đất phi nông nghiệp khác	PNK/OTC	-

c) Diện tích đất phải thu hồi:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	319,50
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	287,59
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN/PNN	271,09
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	16,50
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP/PNN	-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	31,91
2	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKT ^(a) /OTC	0,08
2.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	-
2.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	-
2.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	-
2.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	-
2.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	-
2.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC	-
2.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC	0,07
2.4	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/OTC	0,01
2.5	Đất phi nông nghiệp khác	PNK/OTC	-

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng, các khu vực đất phải thu hồi và diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng được xác định theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 (tỷ lệ 1/5.000) do Ủy ban nhân dân quận 2 lập và báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường Cát Lái, quận 2 do Ủy ban nhân dân quận 2 lập ngày 31 tháng 11 năm 2008.

Điều 2. Duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường Cát Lái, quận 2 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích (ha)				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		668,84	668,84	668,84	668,84	668,84
1	Đất nông nghiệp	NNP	222,57	188,38	90,05	24,95	4,65
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	192,51	158,88	76,35	16,53	0,53
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	183,99	150,48	72,01	14,40	-
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	183,99	150,48	72,01	14,40	-
1.1.1.1.1	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	-	-	-	-	-
1.1.1.1.2	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	LUK	183,99	150,48	72,01	14,40	-
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNC	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8,52	8,40	4,34	2,13	0,53
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	-	-	-	-	-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	30,06	29,50	13,70	8,42	4,12
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	446,27	480,46	578,79	643,89	664,19
2.1	Đất ở	OTC	158,51	188,65	205,25	212,97	221,21
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	158,51	188,65	205,25	212,97	221,21
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	137,15	141,20	225,94	283,33	295,40
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	0,82	0,82	1,64	1,64	1,64
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	89,64	91,89	91,75	91,75	91,75
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	29,18	29,17	50,71	77,62	77,62
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK	6,45	6,45	6,45	6,45	6,45
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	22,73	22,72	44,26	71,17	71,17
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	17,51	19,32	81,84	112,32	124,39

2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	14,33	16,14	65,62	79,39	89,86
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	1,60	1,60	1,60	1,60	1,60
2.2.4.3	Đất để chuyên dẫn năng lượng, TT	DNT	0,20	0,20	0,40	0,70	0,70
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	-	-	3,62	16,63	16,98
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	0,15	0,15	1,14	1,14	1,14
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1,19	1,19	9,42	9,42	9,42
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	-	-	-	3,15	4,40
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	-	-	-	-	-
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	-	-	-	0,25	0,25
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	1,28	1,28	1,28	1,27	1,26
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	4,34	4,34	1,48	0,76	-
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	144,99	144,99	144,84	144,84	144,84
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	0,72	1,48

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích chuyển MĐSD đất trong kỳ kế hoạch	Phân theo từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	319,50	101,58	34,19	98,33	65,10	20,30
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	287,59	95,61	33,63	82,53	59,82	16,00
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN/PNN	271,09	87,10	33,51	78,47	57,61	14,40

	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	-	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	16,50	8,51	0,12	4,06	2,21	1,60
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP/PNN	-	-	-	-	-	-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	31,91	5,97	0,56	15,80	5,28	4,30
2	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKT ^(a) /OTC	0,08	0,08	-	-	-	-
2.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC	0,07	0,07	-	-	-	-
2.4	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/OTC	0,01	0,01	-	-	-	-
2.5	Đất phi nông nghiệp khác	PNK/OTC	-	-	-	-	-	-

3. Kế hoạch thu hồi đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	LOẠI ĐẤT PHẢI THU HỒI	Mã	Diện tích cần thu hồi trong kỳ kế hoạch	Phân theo từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đất nông nghiệp	NNP	319,50	101,58	34,19	98,33	65,10	20,30
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	287,59	95,61	33,63	82,53	59,82	16,00

1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	271,09	87,10	33,51	78,47	57,61	14,40
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	16,50	8,51	0,12	4,06	2,21	1,60
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	-	-	-	-	-	-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	31,91	5,97	0,56	15,80	5,28	4,30
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	34,01	4,93	0,62	12,64	7,12	8,70
2.1	Đất ở	OTC	25,85	0,84	0,61	8,60	7,11	8,69
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	25,85	0,84	0,61	8,60	7,11	8,69
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	1,69	0,65	0,01	1,03	-	-
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	0,04	0,03	-	0,01	-	-
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	0,14	-	-	0,14	-	-
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	0,01	-	0,01	-	-	-
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	1,50	0,62	-	0,88	-	-
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,02	-	-	-	0,01	0,01
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	2,93	0,07	-	2,86	-	-
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	3,52	3,37	-	0,15	-	-
	Cộng		353,51	106,51	34,81	110,97	72,22	29,00

Điều 3. Căn cứ các chỉ tiêu đã được xét duyệt trong Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận 2 có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Cát Lái, quận 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 703/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch
sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) phường Bình Khánh, quận 2**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận 2 tại Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2008 và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 511/TTr-TNMT-KH ngày 19 tháng 01 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của phường Bình Khánh, quận 2 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Nội dung phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010:

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2005		Quy hoạch đến năm 2010	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		215,20	100,00	215,20	100,00

1	Đất nông nghiệp	NNP	60,64	28,18	0,41	0,19
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	58,64	96,70	0,41	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	54,73	93,33	-	-
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	54,73	100,00	-	-
1.1.1.1.1	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	-	-	-	-
1.1.1.1.2	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	LUK	54,73	100,00	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3,91	6,67	0,41	-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2,00	3,30	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	154,56	71,82	214,79	99,81
2.1	Đất ở	OTC	68,81	44,52	16,98	7,91
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	68,81	100,00	16,98	100,00
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	35,64	23,06	119,37	55,58
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	0,14	0,39	0,14	0,12
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	-	-	0,86	0,72
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	9,67	27,13	19,12	16,02
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	9,67	100,00	19,12	100,00
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	25,83	72,47	99,25	83,14
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	24,47	94,73	78,36	78,95
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	-	-	-	-
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn năng lượng, TT	DNT	0,32	1,24	0,32	0,32
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	-	-	12,49	12,58
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	-	-	0,02	0,02

2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	0,50	1,94	7,00	7,05
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	-	-	-	-
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,54	2,09	1,06	1,07
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	1,37	0,89	1,37	0,64
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	-	-	-	-
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	48,74	31,53	47,07	21,91
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	30,00	13,97

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	60,23
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	58,23
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN/PNN	54,73
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	3,50
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP/PNN	-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	2,00
2	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKT ^(a) /OTC	-
2.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	-
2.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	-
2.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	-
2.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	-

2.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	-
2.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC	-
2.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC	-

c) Diện tích đất phải thu hồi:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	LOẠI ĐẤT PHẢI THU HỒI	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	60,23
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	58,23
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	54,73
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3,50
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2,00
2	Đất phi nông nghiệp	NKN	58,66
2.1	Đất ở	OTC	56,99
2.1.1	Đất ở tại đô thị	ODT	56,99
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	-
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	-
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	-
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	1,67
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-
	Cộng		118,89

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng, các khu vực đất phải thu hồi và diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng được xác định theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 (tỷ lệ 1/2.000) do Ủy ban nhân dân quận

2 lập và báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường Bình Khánh, quận 2 do Ủy ban nhân dân quận 2 lập ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Điều 2. Duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường Bình Khánh, quận 2 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích (ha)				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng diện tích đất tự nhiên			215,20	215,20	215,20	215,20	215,20
1	Đất nông nghiệp	NNP	60,64	60,62	38,67	7,92	0,41
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	58,64	58,62	36,67	7,92	0,41
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	54,73	54,71	32,76	5,51	-
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	54,73	54,71	32,76	5,51	-
1.1.1.1.1	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	-	-	-	-	-
1.1.1.1.2	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	LUK	54,73	54,71	32,76	5,51	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3,91	3,91	3,91	2,41	0,41
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	-	-	-	-	-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2,00	2,00	2,00	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	154,56	154,58	176,53	207,28	214,79
2.1	Đất ở	OTC	68,81	68,75	61,83	39,47	16,98
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-

2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	68,81	68,75	61,83	39,47	16,98
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	35,64	35,72	64,59	119,37	119,37
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	0,14	0,14	0,14	0,14	0,14
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	-	-	0,86	0,86	0,86
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	9,67	9,67	19,12	19,12	19,12
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	9,67	9,67	19,12	19,12	19,12
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	25,83	25,91	44,47	99,25	99,25
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	24,47	24,47	36,13	78,36	78,36
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	-	-	-	-	-
2.2.4.3	Đất để chuyên dẫn năng lượng, TT	DNT	0,32	0,32	0,32	0,32	0,32
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	-	0,06	0,99	12,49	12,49
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	-	0,02	0,02	0,02	0,02
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	0,50	0,50	5,95	7,00	7,00
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	-	-	-	-	-
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,54	0,54	1,06	1,06	1,06
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	1,37	1,37	1,37	1,37	1,37
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	-	-	-	-	-
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	48,74	48,74	48,74	47,07	47,07
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	30,00

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ kế hoạch	Phân theo từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang PNN	NNP/PNN	60,23		0,02	21,95	30,75	7,51
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	58,23	-	0,02	21,95	28,75	7,51
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN/PNN	54,73	-	0,02	21,95	27,25	5,51
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	3,50	-	-	-	1,50	2,00
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP/PNN		-	-	-	-	-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	2,00	-	-	-	2,00	-

3. Kế hoạch thu hồi đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	LOẠI ĐẤT PHẢI THU HỒI	Mã	Diện tích cần thu hồi trong kỳ kế hoạch	Phân theo từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đất nông nghiệp	NNP	60,23	-	0,02	21,95	30,75	7,51
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	58,23	-	0,02	21,95	28,75	7,51

1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	54,73	-	0,02	21,95	27,25	5,51
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3,50	-	-	-	1,50	2,00
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	-	-	-	-	-	-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2,00	-	-	-	2,00	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	58,66	-	0,06	6,92	26,03	25,65
2.1	Đất ở	OTC	56,99	-	0,06	6,92	24,36	25,65
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	56,99	-	0,06	6,92	24,36	25,65
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	1,67	-	-	-	1,67	-
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-
	Cộng		118,89	-	0,08	28,87	56,78	33,16

Điều 3. Căn cứ các chỉ tiêu đã được xét duyệt trong Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận 2 có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Bình Khánh, quận 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về diện tích đất tối thiểu sau khi tách thửa

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 ngày 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Thông tư số 06/2007/TT-BTMNT ngày 15 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 7590/TNMT-ĐKKTD ngày 18 tháng 9 năm 2008 và số 266/TNMT-ĐKKTD ngày 12 tháng 01 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định diện tích đất tối thiểu sau khi tách thửa đối với đất ở và đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Các thửa đất hình thành sau khi tách thửa có diện tích không được nhỏ hơn diện tích tối thiểu được quy định tại Quyết định này và không trái với Quy chuẩn xây dựng.

2. Quyết định này không áp dụng cho các trường hợp sau:

- a) Chuyển quyền sử dụng đất trọn thửa;
- b) Bán nhà theo Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ;
- c) Các trường hợp tách thửa do Nhà nước thu hồi một phần thửa đất;
- d) Đất hiến tặng cho Nhà nước, đất tặng cho hộ gia đình, cá nhân để xây dựng nhà tình thương, nhà tình nghĩa;

đ) Tách thửa trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu theo Quyết định này: các thửa đất đang sử dụng trước ngày ban hành Quyết định này; các trường hợp tách thửa do chuyển quyền sử dụng đất đã được công chứng, chứng thực hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép tách thửa trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có yêu cầu tách thửa.
2. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục về tách thửa theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Những quy định cụ thể

1. Đối với đất ở:

a) Các trường hợp không được tách thửa:

- Khu vực mà pháp luật có quy định phải bảo tồn;

- Các khu vực hiện đang là biệt thự được tiếp tục quản lý theo quy hoạch; đất ở thuộc các dự án đã được Nhà nước giao đất, cấp giấy chứng nhận cho từng nền đất theo quy hoạch được duyệt; đất thuộc khu vực đã được cơ quan cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500. Trường hợp quy hoạch chi tiết này không còn phù hợp, phải thực hiện điều chỉnh quy hoạch theo quy định pháp luật trước khi thực hiện tách thửa, việc tách thửa phải đảm bảo đúng theo quy hoạch đã điều chỉnh;

- Trường hợp vị trí nhà, đất ở thuộc khu vực phải thu hồi theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và công bố thì không được tách thửa.

b) Ngoài các trường hợp quy định tại điểm a khoản này được tách thửa, nhưng phải đảm bảo phù hợp quy hoạch và các điều kiện sau:

- Thửa đất mới hình thành và thửa đất còn lại, sau khi trừ lộ giới, diện tích tối thiểu như sau:

Khu vực	Đất ở	
	Đất ở chưa có nhà (m ²)	Đất có nhà hiện hữu (m ²)
Khu vực 1: gồm các quận 1, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11, Gò Vấp, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Tân Bình	50m ² và chiều rộng mặt tiền không nhỏ hơn 4m	45m ² và chiều rộng mặt tiền không nhỏ hơn 3m tại đường phố có lộ giới > 20m; 36m ² và chiều rộng mặt tiền không nhỏ hơn 3m tại đường phố có lộ giới < 20m.
Khu vực 2: gồm các quận 2, 7, 9, 12, Bình Tân, Tân Phú, Thủ Đức và các thị trấn, các huyện được quy hoạch đô thị hóa	80m ² và chiều rộng mặt tiền không nhỏ hơn 5m	50m ² và chiều rộng mặt tiền không nhỏ hơn 4m.
Khu vực 3: gồm các huyện Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn, Nhà Bè, Cần Giờ, ngoại trừ các thị trấn, các huyện và khu vực thuộc huyện được quy hoạch đô thị hóa	120m ² và chiều rộng mặt tiền không nhỏ hơn 7m	80m ² và chiều rộng mặt tiền không nhỏ hơn 5m

- Đảm bảo được hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch và kết nối, đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật hiện hữu.

- Trường hợp thửa đất khi tách thửa sẽ hình thành đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật khác: Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm duyệt quy hoạch tổng mặt bằng đảm bảo đáp ứng được những điều kiện hạ tầng kỹ thuật nêu trên. Diện tích làm đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật khác được đưa vào sử dụng chung theo quy hoạch được duyệt.

2. Đối với đất nông nghiệp:

a) Trường hợp thửa đất thuộc khu vực quy hoạch để sản xuất nông nghiệp: được phép tách thửa nhưng các thửa đất mới được hình thành và thửa đất còn lại phải đảm bảo diện tích tối thiểu là 500m² đối với đất nông nghiệp khác và 1.000m² đối với đất nông nghiệp đã được quy hoạch để sản xuất nông nghiệp.

b) Trường hợp thửa đất thuộc khu vực phải thu hồi theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và công bố để chuyển sang mục đích phi nông nghiệp thì không được tách thửa.

c) Trường hợp thửa đất thuộc khu vực phải thu hồi theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và công bố để chuyển sang mục đích phi nông nghiệp, nhưng sau ba năm không thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nếu cơ quan có thẩm quyền (xét duyệt kế hoạch sử dụng đất) chưa điều chỉnh hoặc hủy bỏ thì được tách thửa, nhưng diện tích tối thiểu của thửa đất mới hình thành và thửa đất còn lại không được nhỏ hơn 1.000m² và không được thay đổi mục đích sử dụng đất.

d) Trường hợp thửa đất nằm trong khu vực quy hoạch sẽ chuyển sang đất phi nông nghiệp (đất nông nghiệp xen cài trong khu dân cư hiện hữu) và không thuộc khu vực phải thu hồi để đầu tư theo quy hoạch hoặc kế hoạch sử dụng đất đã được công bố:

- Nếu để tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp thì việc tách thửa thực hiện theo điểm a khoản 2 này.

- Nếu tách thửa để sử dụng đất phi nông nghiệp, phải thực hiện theo đúng quy hoạch. Trường hợp có nhu cầu thay đổi mục đích sang đất làm nhà ở:

+ Nếu thửa đất có diện tích từ 1.000m² trở xuống thì thực hiện thủ tục thay đổi mục đích sang đất ở, sau đó thực hiện tách thửa đảm bảo các điều kiện nêu tại điểm b khoản 1 Điều này. Khi chuyển mục đích sử dụng đất, người sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích đất làm cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

+ Nếu thửa đất có diện tích lớn hơn 1.000m² đến 2.000m² thực hiện như đối với trường hợp có diện tích từ 1.000m² trở xuống và đồng thời có phương án đầu tư hạ tầng kỹ thuật. Khi cơ sở hạ tầng kỹ thuật đã được đầu tư và có nghiệm thu của Ủy ban nhân dân quận, huyện thì mới thực hiện thủ tục tách thửa.

+ Nếu thửa đất có diện tích lớn hơn 2.000m² phải lập dự án theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp tách thửa để hợp với thửa đất liền kề:

- Thửa đất tách ra để hợp với thửa liền kề được phép có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu được tách thửa theo Quyết định này, nhưng diện tích thửa đất còn lại phải lớn hơn hoặc bằng diện tích tối thiểu được tách thửa theo Quyết định này.

- Trường hợp điều chỉnh ranh giữa các thửa để có hình thể thửa cho phù hợp mà có diện tích nhỏ hơn diện tích quy định tại khoản 2 Điều này sẽ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

Điều 4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận, huyện

1. Những trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hoặc khi thừa kế, hòa giải tranh chấp, có nhu cầu tách thửa, Ủy ban nhân dân quận, huyện, căn cứ quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật đô thị, điều kiện để hợp khối, cảnh quan khu vực và quy chuẩn xây dựng để giải quyết (nhưng diện tích tối thiểu của các thửa đất hình thành không nhỏ hơn 25m² đối với trường hợp đất ở).

2. Hướng dẫn và kiểm tra nghiệm thu việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật đối với trường hợp tách thửa có hình thành đường giao thông.

3. Thường xuyên chỉ đạo các phòng, ban chức năng và Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn kiểm tra phát hiện xử lý những trường hợp tách thửa đất không đúng quy định; đảm bảo được hạ tầng đô thị theo quy hoạch được duyệt và không làm phát sinh hậu quả trong công tác quản lý nhà, đất sau này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Ủy ban nhân dân quận, huyện báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để phối hợp các ngành liên quan hướng dẫn giải quyết hoặc tổng hợp tình hình trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở

Tu pháp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, các cơ quan Công chứng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn và người sử dụng đất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về thực hiện các dự án đầu tư trong nước
thuộc Chương trình kích cầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình Liên Sở số 793/LS-SKHĐT-STC ngày 16 tháng 02 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thực hiện các dự án đầu tư trong nước thuộc Chương trình kích cầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười (10 ngày), kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định số 15/2000/QĐ-UB-TH ngày 17 tháng 4 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý việc vay vốn, trả nợ vay, hỗ trợ lãi vay của các dự án đầu tư thuộc Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của thành phố; Quyết định số 44/2000/QĐ-UB-TH ngày 17 tháng 7 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi khoản 1 và 2 Điều 8 Chương III trong Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2000/QĐ-UB ngày 17 tháng 4 năm

2000; Quyết định số 81/2001/QĐ-UB ngày 19 tháng 9 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý việc vay vốn, trả nợ vay, hỗ trợ lãi vay của các dự án đầu tư thuộc Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của thành phố, ban hành kèm theo Quyết định số 15/2000/QĐ-UB ngày 17 tháng 4 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố; Quyết định số 87/2003/QĐ-UB ngày 20 tháng 5 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về bãi bỏ, điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2001/QĐ-UB ngày 19 tháng 9 năm 2001; Văn bản số 6659/UB-TH ngày 03 tháng 11 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về bổ sung dự án đầu tư của doanh nghiệp có sử dụng học viên và người sau cai nghiện thuộc chương trình 3 giảm vào Chương trình kích cầu thông qua đầu tư và các văn bản trước đây của Ủy ban nhân dân thành phố có nội dung trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển đô thị, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Tổng Giám đốc, Giám đốc các tổng công ty, công ty trực thuộc thành phố quản lý và chủ đầu tư các dự án liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về thực hiện các dự án đầu tư trong nước thuộc
Chương trình kích cầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp trong nước thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; Liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã của thành phố; các tổ chức, cá nhân trong nước có hoạt động đầu tư trên địa bàn thành phố.

2. Các đối tượng đã được hưởng ưu đãi theo Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2006 - 2010 và Quyết định số 15/2009/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND không thuộc đối tượng áp dụng của Quy định này.

Điều 2. Phạm vi dự án đầu tư thực hiện Chương trình kích cầu trên địa bàn thành phố

1. Các dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo phù hợp với chủ trương đầu tư và quy hoạch được duyệt theo quy định tại Điều 3 của Quyết định này; trong đó, ưu tiên các dự án đầu tư xây dựng mới; đầu tư mở rộng quy mô; đổi mới kỹ thuật, công nghệ, thiết bị.

2. Các dự án khác do Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

Chương II

MỨC HỖ TRỢ LÃI VAY VÀ THỜI GIAN VAY VỐN

Điều 3. Mức hỗ trợ lãi suất vay vốn

1. Những dự án được ngân sách thành phố hỗ trợ toàn bộ lãi vay:

a) Dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo mở rộng, đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại, kỹ thuật cao chuyên sâu:

- Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa từ 100 giường bệnh trở lên;
- Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, cao đẳng, đại học;
- Trường trung cấp và cao đẳng nghề (từ bậc 3/7 trở lên);
- Công trình văn hóa, nhà hát, rạp chiếu phim (quy mô trên 1.000 chỗ ngồi);
- Cơ sở thể dục thể thao nhằm mục tiêu đào tạo, huấn luyện các vận động viên thành tích cao cấp quốc gia và quốc tế (không kể các dự án đầu tư xây dựng sân golf).

b) Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất các loại cây giống, con giống; sản xuất ra các loại hóa dược, thuốc kháng sinh, vắc xin; sản xuất trang thiết bị y tế phục vụ chẩn đoán, điều trị và nghiên cứu thí nghiệm.

c) Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm điện tử, robot công nghiệp, thiết bị thông tin, viễn thông và các loại hệ thống thiết bị tự động hóa; sản xuất chất bán dẫn; chip bán dẫn, tấm panel pin mặt trời; sản xuất vi mạch, nghiên cứu phát triển phần cứng và phần mềm được tiêu thụ trong nước.

d) Dự án đầu tư sản xuất các loại máy móc, thiết bị thế hệ mới hoặc sử dụng công nghệ mới được điện tử hóa, tự động hóa, điều khiển theo các chương trình máy tính được tiêu thụ trong nước.

đ) Dự án đầu tư xây dựng ký túc xá cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học; xây dựng nhà ở cho công nhân làm việc tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

e) Dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải, cơ sở xử lý chất thải của các bệnh viện, các khu công nghiệp tập trung và cụm công nghiệp; dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung; dự án trồng rừng nhằm cải thiện môi trường sinh thái.

2. Những dự án được ngân sách thành phố hỗ trợ 50% lãi vay:

a) Dự án sản xuất các sản phẩm cơ khí chính xác, máy móc thiết bị kiểm tra an toàn trong quá trình sản xuất công nghiệp.

b) Dự án đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ cho các ngành sản xuất vật liệu composit, vật liệu mới có chất lượng cao; sản xuất sản phẩm in phức hợp, bao bì màng đa lớp, in vải kỹ thuật số; cơ khí làm khuôn mẫu phục vụ sản xuất công - nông nghiệp.

c) Dự án đầu tư phát triển các sản phẩm như: điện gia dụng, dây cáp điện, dây điện từ, đèn compact, máy biến áp, ống thép không rỉ, cốp-pha nhựa, lốp ô tô được tiêu thụ trong nước.

d) Dự án đầu tư sản xuất các loại động cơ như: diezen, xăng loại nhỏ, máy kéo phục vụ công - nông nghiệp.

đ) Dự án đầu tư sản xuất và nội địa hóa lắp ráp ô tô; sản xuất các phương tiện vận tải như ô tô từ 12 đến 60 chỗ, ô tô tải nhẹ, ô tô chuyên dùng.

e) Dự án chế biến lương thực, thực phẩm có giá trị gia tăng cao.

Điều 4. Thời gian và hạn mức số vốn vay được hỗ trợ

1. Thời gian hỗ trợ lãi vay đối với các dự án nêu tại Điều 3 Quy định này không quá 7 năm, số vốn vay được ngân sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tối đa 100 tỷ đồng cho 1 dự án. Đối với các dự án có mức vốn hỗ trợ lãi vay trên 100 tỷ đồng hoặc thời gian hỗ trợ lãi vay trên 7 năm, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

2. Mức lãi suất hỗ trợ theo thực tế nhưng tối đa không quá mức lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bình quân của 4 ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố hàng tháng (loại trả lãi sau) cộng thêm phí quản lý từ 1% đến 2%/năm.

3. Tổng mức vốn đầu tư của các dự án được hỗ trợ lãi vay thông qua chương trình này là không quá 5.000 tỷ đồng. Ngân sách thành phố không thanh toán phần lãi phát sinh do Chủ đầu tư không hoàn trả vốn gốc đúng thời hạn quy định trong dự án được duyệt.

Chương III

QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO VÀ QUYẾT TOÁN

Điều 5. Trách nhiệm của Chủ đầu tư các dự án tham gia Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của thành phố

1. Lập, trình duyệt dự án đầu tư theo các quy định hiện hành.

2. Gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư bản sao hợp đồng tín dụng đã ký với các ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay, Quỹ Đầu tư phát triển đô thị thành phố; bản đối chiếu công nợ hàng năm giữa Chủ đầu tư với các ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay và Quỹ Đầu tư phát triển đô thị thành phố kể từ thời điểm bắt đầu vay cho tới khi thanh lý hợp đồng.

3. Thực hiện dự án theo đúng tiến độ, sử dụng vốn vay đúng mục đích theo kế hoạch đầu tư của dự án, không được dùng tài sản tạo thành từ vốn vay để thế chấp, sang nhượng, chuyển đổi... cho cá nhân hoặc pháp nhân khác trong thời gian chưa trả xong nợ vay (trừ việc thế chấp đối với các ngân hàng, tổ chức tín dụng đã cho vay vốn). Trong trường hợp đặc biệt cần thay đổi chủ sở hữu dưới mọi hình thức phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận bằng văn bản.

4. Định kỳ hàng tháng, báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện dự án, tiến độ giải ngân và sử dụng vốn vay, các đề xuất, kiến nghị (nếu có), gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Quỹ Đầu tư phát triển đô thị thành phố và các ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay vốn trước ngày 25 hàng tháng, riêng tháng cuối quý gửi trước ngày 15.

Điều 6. Trách nhiệm của Quỹ Đầu tư phát triển đô thị thành phố và của các ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay vốn

Quỹ Đầu tư phát triển đô thị thành phố và các ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay vốn có trách nhiệm thẩm định tính hiệu quả và tính khả thi, tiến độ sử dụng vốn, phương án hoàn vốn, trả nợ vay của dự án đầu tư; kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng vốn vay đúng mục đích đã được Ủy ban nhân dân thành phố xét duyệt và tiến độ thực hiện dự án của Chủ đầu tư theo quy định hiện hành.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Là cơ quan đầu mối tiếp nhận các dự án đầu tư đã được các ngân hàng, tổ chức tín dụng, Quỹ Đầu tư phát triển đô thị thành phố thẩm định và đồng ý cho vay vốn và Chủ đầu tư đề nghị tham gia Chương trình kích cầu của thành phố, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

2. Căn cứ vào danh mục các dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính lập chi tiết danh mục các dự án được hỗ trợ lãi vay; tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố có quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch hỗ trợ lãi vay hàng năm đối với các dự án tham gia Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của thành phố.

3. Căn cứ quyết định đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính thông qua quyết định phân khai chi tiết danh mục các dự án được cấp bù lãi vay kích cầu hàng năm để cấp bù lãi vay cho Chủ đầu tư theo quy định.

4. Là đầu mối phối hợp với Sở Tài chính, Quỹ Đầu tư phát triển đô thị thành phố và các ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay vốn kiểm tra việc thực hiện dự án của các Chủ đầu tư; định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện các dự án, trình Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 20 của tháng cuối quý. Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố biện pháp xử lý đối với các trường hợp vi phạm Quy định này.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra, rà soát, dự toán kinh phí cấp bù lãi vay hàng quý theo số phát sinh thực tế của Chủ đầu tư, thông qua quyết định phân khai chi tiết danh mục các dự án được cấp bù lãi vay kích cầu hàng năm để cấp bù lãi vay cho Chủ đầu tư theo quy định.

2. Thẩm tra hồ sơ do Chủ đầu tư cung cấp và phối hợp Kho bạc Nhà nước thành phố thực hiện thủ tục chuyển kinh phí hỗ trợ lãi vay cho Chủ đầu tư.

3. Định kỳ hàng quý, tổng hợp số vốn ngân sách đã hỗ trợ lãi vay trong quý và lũy kế đến thời điểm báo cáo, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố biện pháp xử lý đối với các trường hợp vi phạm Quy định này.

Điều 9. Nghiệm thu, báo cáo quyết toán công trình

1. Việc quản lý, nghiệm thu công trình sau khi hoàn thành, báo cáo quyết toán công trình, thẩm tra, phê duyệt quyết toán các dự án thuộc Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của thành phố thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

2. Các Chủ đầu tư có dự án được ngân sách thành phố hỗ trợ lãi suất vay vốn theo Quy định này chịu trách nhiệm hạch toán và quyết toán khoản kinh phí được ngân sách thành phố hỗ trợ theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 10. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp quá 6 tháng đối với các dự án chỉ đầu tư thiết bị và 12 tháng đối với các dự án bao gồm cả xây lắp kể từ ngày Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố có hiệu lực thi hành mà Chủ đầu tư chưa ký hợp đồng vay vốn với ngân hàng (hoặc tổ chức tín dụng) hoặc chưa triển khai dự án đầu tư thì

được xem như không có nhu cầu được hỗ trợ lãi vay và đưa ra khỏi Chương trình. Trường hợp vì lý do khách quan, chưa ký hợp đồng vay vốn hoặc chưa triển khai dự án, Chủ đầu tư phải báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan để phối hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết kịp thời.

2. Trường hợp Chủ đầu tư sử dụng phần vốn vay được ngân sách thành phố hỗ trợ lãi vay không đúng mục tiêu đầu tư đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt thì không được tiếp tục tham gia Chương trình kích cầu của thành phố trong vòng 3 năm; đồng thời phải hoàn trả ngân sách thành phố phần kinh phí đã được hỗ trợ tính đến thời điểm vi phạm. Trường hợp quá 1 năm kể từ khi được yêu cầu hoàn trả phần kinh phí này nhưng Chủ đầu tư vẫn không thực hiện, giao Sở Tài chính phối hợp với các ngành chức năng xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Các ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay vốn, Quỹ Đầu tư phát triển đô thị thành phố là cơ quan kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện giải ngân dự án của Chủ đầu tư.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Các dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt chủ trương hỗ trợ vốn và lãi vay kích cầu thông qua đầu tư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành và không vi phạm cam kết của Việt Nam với Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vẫn tiếp tục được triển khai thực hiện theo các quy định trước đây.

2. Dừng việc thực hiện hỗ trợ vốn và lãi vay kích cầu thông qua đầu tư đối với các dự án thuộc ngành dệt - may đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt trước đây kể từ khi Quyết định này có hiệu lực thi hành. Riêng đối với các dự án đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu, thời gian hỗ trợ lãi suất vay vốn sẽ chấm dứt trước ngày 11 tháng 01 năm 2011.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn cần tháo gỡ, các đơn vị báo cáo, đề xuất, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2009/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2009

CHỈ THỊ

Về công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2009 trên địa bàn thành phố

Do tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn diễn biến bất thường và ngày càng phức tạp, hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu đã có biểu hiện tác động đến nước ta trong năm vừa qua. Đối với thành phố Hồ Chí Minh, năm 2008 đã xảy ra 10 cơn lốc xoáy, 04 cơn mưa lớn có vũ lượng trên 50mm, 03 đợt triều cường có đỉnh triều xấp xỉ và vượt mức báo động cấp III, 07 diêm bờ sông bị sạt lở làm 14 người bị thương, 155 nhà sập, hư hỏng, 113 cây xanh và 32 cột điện ngã đổ, bể 69 đoạn bờ bao... Dự báo tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn, nhất là các loại thiên tai, mưa, bão, triều cường... năm 2009 có những diễn biến phức tạp, khó lường.

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 5745/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của thành phố; để chủ động phòng, chống, ứng phó kịp thời và có hiệu quả, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do lụt, bão, thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2009 của thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị các sở - ban - ngành, đơn vị thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện triển khai thực hiện tốt các nội dung sau đây:

1. Ngay từ đầu năm 2009, các cấp, các ngành, các đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của thành phố (ban hành kèm theo Quyết định số 5745/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố). Tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống, ứng phó với lụt, bão, thiên tai năm 2008, phát huy những ưu điểm, những

công việc mang lại hiệu quả thiết thực; đồng thời làm rõ nguyên nhân những mặt còn hạn chế, yếu kém để có biện pháp khắc phục ngay trước mùa mưa bão năm 2009. Chú trọng nâng cao năng lực điều hành, chỉ huy, thực hiện các biện pháp phòng, chống, ứng phó với lụt, bão, thiên tai ngay tại cơ sở.

2. Củng cố, kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão thành phố, sở - ban - ngành, quận - huyện, phường - xã - thị trấn, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên để làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, thủ trưởng đơn vị chỉ đạo, triển khai đạt hiệu quả các biện pháp phòng, chống lụt, bão, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn năm 2009.

3. Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

a) Tập trung chỉ đạo triển khai thi công nhanh các công trình phòng, chống triều cường, bờ bao kết hợp giao thông nông thôn, chống sạt lở bờ sông, tiêu thoát nước, đặc biệt là các bờ bao loại nhỏ ở ngoại thành, vùng ven và hệ thống tiêu thoát nước ở nội thành đảm bảo hoàn thành đạt chất lượng trong quý II năm 2009.

b) Thành lập và triển khai huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng các tổ, đội xung kích, tình nguyện làm công tác ứng cứu, phòng, chống lụt, bão, thiên tai tại các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.

c) Rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh các phương án phòng, tránh, ứng phó lụt, bão, thiên tai của quận - huyện, đặc biệt là kiểm tra, cập nhật các địa điểm xung yếu, vị trí an toàn, số hộ dân, số dân phải sơ tán, di dời khi có lụt, bão, thiên tai xảy ra. Hiệp đồng với chủ các phương tiện cơ giới trên địa bàn để kịp thời huy động, trưng dụng phương tiện khi cần thiết. Tính toán chi tiết việc huy động lực lượng, phương tiện cơ giới để di dời dân nhanh chóng, an toàn hoặc hướng dẫn người dân chủ động di chuyển đến nơi trú ẩn an toàn, thuận tiện nhất khi có thiên tai xảy ra. Tại các địa điểm tạm cư phải được tổ chức chu đáo, chuẩn bị đầy đủ lương thực, thực phẩm, nước uống, điều kiện sinh hoạt, vệ sinh cho người dân.

d) Tổ chức, phân công, kiểm tra và đôn đốc việc triển khai thực hiện thu, nộp, quản lý, sử dụng Quỹ Phòng, chống lụt, bão tại địa phương theo quy định hiện hành.

đ) Ủy ban nhân dân quận 12, quận Thủ Đức, quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp, huyện Hóc Môn, huyện Củ Chi, huyện Bình Chánh chủ động lập kế hoạch huy động lực lượng, sử dụng kinh phí, vật tư tại chỗ để xử lý, gia cố các đoạn bờ bao thấp, yếu phát sinh nhằm đảm bảo khả năng ngăn triều, chống sạt lở, không để xảy ra bề, tràn bờ bao gây ngập úng, ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

e) Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và huyện Nhà Bè thực hiện khẩn trương các dự án di dời dân đang sinh sống trong khu vực ven sông, ven biển, có nguy cơ sạt lở cao, vùng trũng thấp, hộ dân có nhà ở trong rừng phòng hộ và di dời dân xã đảo Thạnh An vào đất liền. Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thi công dự án xây dựng khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu thuyền tại khu vực sông Đồng Định và thông báo rộng rãi cho tàu thuyền trú ẩn khi có sóng to, gió lớn.

4. Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão thành phố:

a) Có trách nhiệm thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn các sở - ban - ngành, quận - huyện thực hiện tốt kế hoạch, phương án phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Đôn đốc, kiểm tra các quận - huyện có công trình phòng, chống triều cường, bờ bao kết hợp giao thông nông thôn, chống sạt lở bờ sông, tiêu thoát nước nhanh chóng thi công hoàn thành để phát huy hiệu quả trong mùa mưa bão. Điều chỉnh, bổ sung phương án phòng, tránh, ứng phó khi bão đổ bộ trực tiếp vào địa bàn thành phố; đồng thời xây dựng và triển khai thực hiện phương án chủ động phòng, chống và ứng phó với tình trạng ngập úng do mưa lớn, triều cường trên địa bàn thành phố.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố, các quận - huyện rà soát, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư các công trình phòng, chống triều cường, bờ bao kết hợp giao thông nông thôn, chống sạt lở bờ sông, tiêu thoát nước năm 2009. Phối hợp cùng Sở Tài chính thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố, Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố rà soát, kiểm tra, thống kê các phương tiện, trang thiết bị phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hiện có của thành phố và đề xuất đầu tư bổ sung số lượng, chủng loại cần thiết theo nhu cầu của thành phố trong năm 2009 để thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ”.

c) Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố tổ chức tập huấn về kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ, pháp lý đối với công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho cán bộ, chuyên viên, thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão các sở - ban - ngành, quận - huyện vào quý II năm 2009.

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn phòng, chống lụt, bão, thiên tai (trực tiếp, tìm hiểu trên các phương tiện truyền thông, sổ tay...) cho cộng đồng dân cư để người dân luôn tự ý thức chủ động phòng, chống ứng phó đạt hiệu quả, kịp thời ngay khi có cảnh báo thiên tai của cơ quan chức năng.

đ) Chủ trì cùng các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện liên quan nghiên cứu, đề xuất việc thành lập các tổ, đội tự quản, áp dụng các chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia tuần tra, bảo vệ đê bao, bờ bao phòng, chống triều cường tại phường, xã thuộc các huyện, quận ven theo Thông tư số 01/2009/TT-BNN ngày 06 tháng 01 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các công trình sau đầu tư, đặc biệt là kịp thời tu sửa đê bao, bờ bao xung yếu, ngăn ngừa xảy ra sự cố bể bờ, tràn bờ ngay từ trước mỗi đợt triều cường.

e) Phối hợp với các sở - ngành chức năng khảo sát và xây dựng đề án thành lập Trung tâm Quản lý và Giảm nhẹ thiên tai thành phố trực thuộc Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão thành phố để tăng cường, tập trung triển khai các biện pháp phi công trình trong phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn thành phố.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố:

a) Kiểm tra chặt chẽ việc trang bị các thiết bị thông tin liên lạc, phao cứu sinh, phương tiện, thiết bị đảm bảo an toàn cho tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển.

b) Khi có thiên tai, bão, áp thấp nhiệt đới, vùng áp thấp, thời tiết xấu trên biển Đông phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố và Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ nắm chắc số lượng tàu thuyền và ngư dân đang hoạt động trên biển để hướng dẫn di chuyển phòng, tránh, đảm bảo an toàn.

c) Triển khai thí điểm đề án trồng cây chống sạt lở đê bao, bờ bao, bờ sông, rạch tại một số huyện, quận ven.

6. Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Công an thành phố, Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố và các đơn vị liên quan điều chỉnh, bổ sung phương án tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ ứng với từng loại hình thiên tai, tình huống, cấp độ thiệt hại để tổ chức thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ đạt hiệu quả khi có lụt, bão, thiên tai xảy ra.

b) Phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Công an thành phố, Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các đơn vị liên quan tổ chức diễn tập công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai - tìm kiếm cứu nạn vào quý III năm 2009.

7. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố:

Kiểm soát chặt chẽ các tàu thuyền đánh bắt hải sản khi xuất bến; cập nhật đầy đủ các thông tin về người, tàu thuyền, ngư trường hoạt động khai thác. Kiên quyết không cho xuất bến đối với tàu thuyền hết hạn đăng kiểm, tàu thuyền không trang bị đầy đủ các thiết bị đảm bảo an toàn theo quy định.

8. Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố:

Đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án tiêu thoát nước, chống ngập trên địa bàn thành phố để sớm xóa các điểm ngập cũ và hạn chế phát sinh các điểm ngập mới, đặc biệt là các dự án sử dụng nguồn vốn ODA tại lưu vực trung tâm; đồng thời phối hợp với các cơ quan, ban - ngành Trung ương và thành phố tổ chức triển khai dự án Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực thành phố.

9. Sở Giao thông vận tải thành phố:

a) Phối hợp với Công an thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố huy động lực lượng kiểm tra, kiểm soát, đảm bảo an toàn tại các bến phà, đò ngang, cầu yếu. Tăng cường tuyên truyền, vận động thực hiện có hiệu quả chủ trương mọi người khi tham gia giao thông trên phương tiện thủy đều tự giác mặc áo phao. Phân luồng, điều phối giao thông khi lụt, bão, thiên tai xảy ra; cấm biển báo tại các tuyến đường nguy hiểm, bị ngập sâu để người dân biết, hạn chế đi lại và tránh ùn tắc giao thông.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các phương tiện thủy neo đậu trái phép làm hư hỏng công trình phòng, chống lụt, bão; xử lý các trường hợp lấn chiếm hành lang bảo vệ bờ và lòng sông, kênh, rạch gây sạt lở, bồi lắng, tắc nghẽn dòng chảy.

c) Chỉ đạo chủ đầu tư các dự án nạo vét sông, kênh, rạch trong quá trình thi công phải bảo vệ hệ thống bờ bao, đê bao và hạn chế phá bỏ các hàng cây bảo vệ chân bờ bao, đê bao nhằm tránh gây ra sạt lở dẫn đến nguy cơ bể bờ khi triều cường dâng cao như từng xảy ra ở quận 12 và quận Thủ Đức.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố:

a) Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Cảng vụ thành phố, các địa phương, đơn vị liên quan tổ chức ứng phó, khắc phục nhanh các sự cố tràn dầu trên sông, trên biển để bảo vệ môi trường, hệ sinh thái tự nhiên, công trình, sản xuất của nhân dân.

b) Tăng cường quản lý, xử lý các hoạt động khai thác cát trái phép làm thay đổi dòng chảy sông, rạch theo chiều hướng bất lợi; đồng thời phổ biến, tuyên truyền sâu rộng đến nhân dân các tình huống và biện pháp ứng phó khi xảy ra động đất, sóng thần.

11. Sở Xây dựng thành phố:

a) Kiểm tra, cảnh báo các chủ đầu tư không để xảy ra đổ sập giàn dáo, cần cẩu tại các công trình đang thi công gây tai nạn; đảm bảo an toàn cho các nhà ở, chung cư cũ, xuống cấp, các công trình ngầm khi xảy ra lụt, bão, thiên tai.

b) Nghiên cứu đề xuất và phổ biến, hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng các công trình, nhà ở, chung cư nhằm có khả năng chịu được gió, bão, lốc xoáy có cường độ cao, nhất là ở những vùng thường xuyên, trực tiếp chịu ảnh hưởng.

12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố:

Có trách nhiệm thông báo, khuyến cáo, yêu cầu các doanh nghiệp quảng cáo thực hiện chằng chống, gia cố các pa nô, biển quảng cáo... đúng kỹ thuật do ngành xây dựng quy định nhằm đảm bảo an toàn khi có bão, lốc xoáy, gió giật.

13. Sở Thông tin và Truyền thông thành phố:

Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra các trạm tiếp sóng viễn thông, bảo đảm cho mạng thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, tiếp nhận, xử lý thông tin trong công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thông suốt trong mọi tình huống.

14. Công ty Điện lực thành phố:

Bảo vệ hệ thống truyền tải, thiết bị điện, trạm biến thế, công trình điện lực; đồng thời, xử lý khắc phục nhanh chóng sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng, đảm bảo cung cấp điện ổn định, liên tục; chuẩn bị máy phát điện dự phòng khi thành phố bị ảnh hưởng của lụt, bão, thiên tai.

15. Đài Truyền hình thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ tăng thời lượng cung cấp thông tin, dự báo tình hình diễn biến thời tiết, lụt, bão, thiên tai một cách nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão thành phố, các sở - ngành, quận - huyện; tăng thời lượng phát sóng các chương trình truyền hình tuyên truyền các chủ trương, chính sách, các biện pháp phòng ngừa thiên tai, các chương trình hướng dẫn người dân ứng phó với các sự cố có thể phát sinh khi có thời tiết xấu, thiên tai bất thường.

16. Các sở - ban - ngành, Tổng Công ty 90, 91 đóng trên địa bàn thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả do lụt, bão, thiên tai trong phạm vi đơn vị mình; đồng thời phải chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư cần thiết để tham gia phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo yêu cầu, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão thành phố.

17. Các cấp, các ngành, các đơn vị tổ chức trực ban nghiêm túc, đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo, đặc biệt là khi có lụt, bão, thiên tai xảy ra (thực hiện theo Quyết định số 02/QĐ-PCLB ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão thành phố).

Yêu cầu Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Tổng Công ty 90, 91, cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thành phố, các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

QUẬN 7

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2009/NQ-HĐND

Quận 7, ngày 26 tháng 02 năm 2009

NGHỊ QUYẾT

Về việc đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009
thuộc nguồn vốn ngân sách

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 7
KHÓA III KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Sau khi xem xét Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận về việc đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009 thuộc nguồn vốn ngân sách,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận thông qua nội dung Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận về 72 danh mục công trình năm 2009 theo kế hoạch vốn là **198,327** tỷ đồng; trong đó:

- Công trình thuộc nguồn vốn ngân sách tập trung Thành phố là 26 công trình với kế hoạch vốn là **148,327** tỷ đồng;

- Công trình nguồn vốn phân cấp Thành phố là 24 công trình với kế hoạch vốn là **30** tỷ đồng;

- Công trình nguồn vốn ngân sách quận và vốn khác là 22 công trình với kế hoạch vốn là **20** tỷ đồng.

(đính kèm bảng tổng hợp danh mục công trình năm 2009)

Điều 2. Đồng ý các kiến nghị của Ủy ban nhân dân quận tại Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2008 nêu trên. Giao Ủy ban nhân dân quận có kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân quận 7 khóa III - kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2009./.

CHỦ TỊCH

Trương Công Dân

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2009/NQ-HĐND

Quận 7, ngày 26 tháng 02 năm 2009

NGHỊ QUYẾT

**Kỳ họp thứ 15 của Hội đồng nhân dân quận
về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2009**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 7 KHÓA III KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ nội dung các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, của hai Ban Hội đồng nhân dân; các báo cáo của Ủy ban nhân dân quận, của Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân; phát biểu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí với báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân và hai Ban của Hội đồng nhân dân.

Điều 2. Nhất trí với báo cáo của Ủy ban nhân dân và các cơ quan hữu quan về đánh giá tình hình kinh tế - xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quận năm 2008; nhiệm vụ chỉ tiêu và các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2009.

Điều 3. Hội đồng nhân dân nhấn mạnh một số vấn đề sau:

I. Về tình hình năm 2008:

Diễn biến tình hình kinh tế - xã hội năm 2008 so với năm 2007, bên cạnh những mặt thuận lợi cơ bản được tiếp tục giữ gìn và phát huy, đã nảy sinh nhiều khó khăn

mới, tác động lớn đến công tác quản lý nhà nước trên địa bàn và việc thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ mà Nghị quyết đã đề ra. Nhưng với sự nỗ lực của toàn dân, các doanh nghiệp, dưới sự chỉ đạo của Thành phố, sự lãnh đạo của Quận ủy, sự tập trung thời gian và công sức của chính quyền từ quận đến phường, đã đề ra nhiều giải pháp cụ thể, khắc phục khó khăn, hoàn thành chỉ tiêu nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2008, ổn định đời sống nhân dân, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong mọi thành phần kinh tế tiếp tục sản xuất kinh doanh có hiệu quả;

Hội đồng nhân dân thống nhất với những kết quả đạt được trên các lĩnh vực được nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân quận. Khẳng định đó là những kết quả lớn, vững chắc và toàn diện, sẽ là điều kiện thuận lợi góp phần vào những thành công mới trong năm 2009;

Hội đồng nhân dân chấp thuận ý kiến thẩm tra của hai Ban trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội và bảo vệ pháp luật. Ủy ban nhân dân quận, các cơ quan nội chính chú ý giải quyết có hiệu quả những vấn đề còn tồn đọng đã nêu.

II. Về dự báo tình hình năm 2009:

Do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu tác động nên tình hình kinh tế - xã hội năm 2009 có nhiều diễn biến phức tạp, suy giảm kinh tế dẫn đến sản xuất kinh doanh bị đình trệ, khả năng nhiều doanh nghiệp hoạt động cầm chừng hoặc đóng cửa, công nhân bị sa thải, tình trạng thất nghiệp gia tăng, giải quyết việc làm mới gặp khó khăn khiến cho đời sống nhân dân nhất là công nhân, người lao động, dân nghèo sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp, nảy sinh nhiều vấn đề xã hội phức tạp tác động đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của địa phương. Đồng thời nguồn thu ngân sách của quận cũng sẽ gặp rất nhiều khó khăn, trong khi các chỉ tiêu, nhất là về thuế được giao tăng cao. Đây là những thách thức khó khăn cho quận trong thực hiện nhiệm vụ chính trị nửa nhiệm kỳ còn lại, nhất là năm 2009. Do đó, cần phải xác định rõ và quyết tâm vượt qua với các giải pháp thật cụ thể, phù hợp để hoàn thành tốt các chỉ tiêu năm 2009.

III. Chỉ tiêu nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2009:

1. Nhiệm vụ chung:

Đoàn kết, thống nhất khắc phục mọi khó khăn, giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống người lao động, đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm và xây dựng nếp sống văn minh đô thị.

2. Chỉ tiêu cụ thể:

2.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế 15 - 16% so với năm 2008;

2.2. Thu thuế đạt chỉ tiêu pháp lệnh 815 tỷ đồng. Phần đầu vượt 5%;

2.3. Công tác xây dựng cơ bản hoàn thành chỉ tiêu vốn tập trung và phân cấp do Thành phố giao;

2.4. Tập trung thực hiện các dự án trọng điểm: Trung tâm hành chính quận, giải phóng mặt bằng đường 15B, cầu Đa Khoa, nút giao thông đường Bùi Văn Ba - Huỳnh Tấn Phát, cảng Bến Nghé giai đoạn III, hoàn thiện đường Bình Thung - Phú Mỹ, Phú Thuận;

2.5. Giữ vững chuẩn phổ cập bậc Trung học. Tỷ lệ tốt nghiệp Trung học phổ thông là 85%;

2.6. Phần đầu 30 khu phố văn hóa, 17 khu phố tiên tiến, 95% hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa. Vận động 24% dân số tập luyện thường xuyên các môn thể dục thể thao;

2.7. Công suất sử dụng giường bệnh đạt 95%, tỷ lệ hài lòng trên 90%;

2.8. Giải quyết việc làm cho 12.000 lượt lao động. Triển khai công tác xóa đói giảm nghèo theo tiêu chí mới có hiệu quả, tỷ lệ nợ quá hạn dưới 5%. Vận động 500 triệu đồng bổ sung Quỹ vì người nghèo;

2.9. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%;

2.10. Hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh do Thành phố giao;

3. Những giải pháp chủ yếu:

3.1. Xây dựng quyết tâm chính trị năm 2009: khắc phục mọi khó khăn, nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao trong toàn thể đảng viên và cán bộ, công chức;

3.2. Từng phường, từng phòng, ban, cơ quan, đơn vị trong quận chủ động xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, thiết thực, có biện pháp bước đi phù hợp, có phân công rõ ràng, có kiểm tra giám sát chặt chẽ, sơ tổng kết rút kinh nghiệm kịp thời;

3.3. Tập trung sức để hoàn thành các công trình trọng điểm, công trình chuyển tiếp đúng kế hoạch, tiến độ. Ưu tiên một phần ngân sách địa phương cho các công trình chống ngập, khắc phục ô nhiễm môi trường và xây dựng quỹ nhà xã hội;

3.4. Tiếp tục thực hiện đạt kết quả tốt hơn: “Năm 2009 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”;

3.5. Thực hiện công tác cải cách hành chính một cửa liên thông theo phương châm “Ít sơ hở, ít phiền hà, nhanh, chính xác”. Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực có hiệu quả;

3.6. Tăng cường đi cơ sở nắm chắc tình hình, chủ động tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh, giúp đỡ tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi nhất để ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh;

3.7. Chăm lo đời sống người lao động nhất là đối tượng chính sách, cán bộ, công chức có hệ số lương thấp, dân nghèo. Đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo. Giải quyết hiệu quả các tranh chấp lao động phát sinh. Đảm bảo an sinh xã hội;

3.8. Tăng cường công tác quản lý thị trường, bình ổn giá cả. Đẩy mạnh công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm;

3.9. Ngăn ngừa có hiệu quả các loại dịch bệnh trên người và trên gia súc, gia cầm;

3.10. Tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Quản lý chặt chẽ hơn người sau cai nghiện hồi gia, tù tha trước thời hạn kéo giảm nhiều nhất các vụ phạm pháp hình sự, tội phạm ma túy, mại dâm. Chủ động phòng, chống cháy, nổ, kéo giảm tai nạn giao thông và giải quyết có hiệu quả tình trạng ùn tắc giao thông, kẹt xe;

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao cho Ủy ban nhân dân quận có kế hoạch chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc xây dựng chương trình cụ thể hóa ở từng lĩnh vực, nhằm tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội đồng nhân dân trong năm 2009;

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân và các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phối hợp hoạt động và tăng cường giám sát, kiểm tra, phản ánh đề xuất để kịp thời, chấn chỉnh những thiếu sót, chậm trễ trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết;

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận và các tổ chức thành viên tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho nhân dân, vận động nhân dân thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, chấp hành luật pháp và các quyết định quản lý của chính quyền địa phương, tích cực trong vai trò giám sát thực hiện theo Nghị quyết kỳ họp;

4. Hội đồng nhân dân quận kêu gọi toàn thể nhân dân, cán bộ, công chức, các ngành, các cấp nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, dân chủ, phát huy tính năng

động sáng tạo, ra sức thi đua, phấn đấu thực hiện tốt Nghị quyết Hội đồng nhân dân về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng năm 2009.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân quận 7, khóa III kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2009./.

CHỦ TỊCH

Trương Công Dân

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng